

Số: 1184 /QĐ-ĐHCT

Cần Thơ, ngày 05 tháng 06 năm 2020

## QUYẾT ĐỊNH

### Ban hành Quy định xét miễn và công nhận điểm học phần trong chương trình đào tạo trình độ đại học hệ Vừa làm vừa học và hệ Đào tạo từ xa

#### HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 06/2017/TT-BGDĐT ngày 15/3/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo Vừa làm vừa học trình độ đại học;

Căn cứ Thông tư số 10/2017/TT-BGDĐT ngày 28/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo từ xa trình độ đại học;

Căn cứ Văn bản hợp nhất số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quyết định ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ;

Căn cứ Quyết định số 22/2001/QĐ-BGD&ĐT ngày 26 tháng 6 năm 2001 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về đào tạo để cấp bằng tốt nghiệp đại học thứ hai;

Căn cứ Quyết định số 18/2017/QĐ-TTg ngày 31 tháng 5 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy định về liên thông giữa trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng với trình độ đại học;

Căn cứ Thông tư số 03/2017/TT-BGDĐT, ngày 13 tháng 01 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Chương trình giáo dục quốc phòng và an ninh trong trường trung cấp sư phạm, cao đẳng sư phạm và cơ sở giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 18/2015/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH ngày 8 tháng 9 năm 2015 Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Thông tư liên tịch quy định tổ chức dạy, học và đánh giá kết quả học tập môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học;

Căn cứ Công văn số 4417/BGDĐT-ĐH&SĐH ngày 03 tháng 5 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn học và thi các môn khoa học Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh;

*Căn cứ Quyết định số 52/2008/QĐ-BGDĐT ngày 18 tháng 9 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành chương trình các môn lý luận chính trị trình độ đại học, cao đẳng dùng cho sinh viên khối không chuyên ngành Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh;*

*Căn cứ Công văn số 3056/BGDĐT-GDDH ngày 19 tháng 7 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn thực hiện chương trình, giáo trình các môn Lý luận chính trị;*

*Căn cứ Thông tư số 25/2015/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 10 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về chương trình môn học Giáo dục thể chất thuộc các chương trình đào tạo trình độ đại học;*

*Căn cứ Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;*

*Căn cứ Thông tư liên tịch số 17/2016/BGDĐT-BTTTT ngày 21 tháng 6 năm 2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Thông tin và Truyền thông về quy định tổ chức thi và cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin;*

*Căn cứ Biên bản cuộc họp số 809/BB-ĐHCT-HĐKHĐT ngày 29 tháng 04 năm 2020 của Thường trực Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường Đại học Cần Thơ, phiên họp tháng 04 năm 2020;*

*Theo đề nghị của các ông/bà: Giám đốc Trung tâm Liên kết Đào tạo, Trưởng khoa Khoa học Chính trị, Trưởng khoa Khoa Công nghệ thông tin và truyền thông, Trưởng khoa Khoa Ngoại ngữ, Giám đốc Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh, Giám đốc Trung tâm Đánh giá năng lực ngoại ngữ, Trưởng Bộ môn Giáo dục thể chất.*

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này **Quy định xét miễn và công nhận điểm học phần trong chương trình đào tạo trình độ đại học hệ Vừa làm vừa học và hệ Đào tạo từ xa (đính kèm).**

**Điều 2.** Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký. Quyết định này thay thế Quyết định số 5829/QĐ-ĐHCT ngày 13 tháng 12 năm 2013 của Trường ĐHCT về ban hành quy định về miễn học, miễn thi đối với sinh viên bậc đại học các ngành hệ Vừa làm vừa học và Đào tạo từ xa thuộc Trường Đại học Cần Thơ.

**Điều 3.** Các ông/bà Giám đốc Trung tâm Liên kết Đào tạo, Trưởng phòng Kế hoạch Tổng hợp, Trưởng phòng Tài chính, Giám đốc Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh, Giám đốc Trung tâm Đánh giá năng lực ngoại ngữ, Bộ môn Giáo dục thể chất, Trưởng các đơn vị, Chủ tịch Hội đồng Xét miễn và công nhận điểm học phần, Chủ tịch Hội đồng Đánh giá năng lực ngoại ngữ, giảng viên và sinh viên có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Các đơn vị đào tạo;
- Lưu: VT, LKĐT.



**Hà Thanh Toàn**

## QUY ĐỊNH

### **Xét miễn và công nhận điểm học phần trong chương trình đào tạo trình độ đại học hệ Vừa làm vừa học và Đào tạo từ xa**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1184 /QĐ-ĐHCT ngày 05 tháng 06 năm 2020  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Cần Thơ)*

#### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Quy định này quy định việc xét và công nhận giá trị chuyển đổi kết quả học tập và khối lượng kiến thức được miễn trừ trong chương trình đào tạo trình độ đại học hệ Vừa làm vừa học (VLVH) và hệ Đào tạo từ xa (ĐTTX) (*sau đây gọi là xét miễn và công nhận điểm học phần*).

2. Quy định này áp dụng đối với sinh viên (SV) hệ VLVH và hệ ĐTTX tại Trường Đại học Cần Thơ (ĐHCT).

#### **Điều 2. Tổ chức và quy trình thực hiện xét miễn và công nhận điểm học phần**

1. Hiệu trưởng ban hành Quyết định thành lập Hội đồng Xét miễn và công nhận điểm học phần Trường.

2. Trường Khoa/Viện trưởng/Trưởng Bộ môn trực thuộc Trường quản lý ngành đào tạo (*sau đây gọi là Trưởng Khoa*) chịu trách nhiệm ban hành Quyết định thành lập các Tổ Xét miễn và công nhận điểm học phần thuộc đơn vị. Tổ Xét miễn và công nhận điểm học phần gồm ít nhất 3 thành viên là: lãnh đạo của đơn vị là ủy viên của Hội đồng Xét miễn và công nhận điểm học phần Trường, Trưởng hoặc Phó trưởng bộ môn phụ trách ngành đào tạo và Trợ lý giáo vụ của đơn vị (*ngoài ra có thể bổ sung thêm thành viên là giảng viên có kinh nghiệm về ngành đào tạo*). Tổ Xét miễn và công nhận điểm học phần chịu trách nhiệm xem xét và đề nghị công nhận giá trị chuyển đổi kết quả học tập và khối lượng kiến thức được miễn trừ cho mỗi SV. Tổ Xét miễn và công nhận điểm học phần lập Biên bản xét miễn và công nhận điểm học phần (*theo Mẫu ở Phụ lục 4*); tổng hợp kết quả xét miễn và công nhận điểm học phần (*theo Mẫu ở Phụ lục 5*); trình Trưởng Khoa phê duyệt danh sách (*các*) học phần được xét miễn cho mỗi SV, bản sao các chứng chỉ sử dụng để xét miễn học phần và gửi cho Hội đồng Xét miễn và công nhận điểm học phần Trường thông qua Trung tâm Liên kết Đào tạo (TTLKĐT); TTLKĐT sẽ gửi kết quả xét miễn cho từng SV thông qua Đơn vị liên kết (ĐVLK) và công bố trên Website của đơn vị. Riêng đối với các lớp đào tạo tại Trường, cán bộ quản lý lớp thực hiện thông báo kết quả cho sinh viên của lớp do mình quản lý.

3. TTLKĐT chịu trách nhiệm kiểm tra đối chiếu kết quả xét miễn và công nhận điểm học phần của văn bản và dữ liệu nhập kết quả xét miễn và công nhận điểm học phần của

đơn vị quản lý ngành đào tạo (*Khoa/Viện/Bộ môn trực thuộc Trường sau đây gọi là đơn vị đào tạo*); kiểm tra văn bằng, chứng chỉ, ... được sử dụng để xét miễn học phần;

4. Các đơn vị chịu trách nhiệm quản lý học phần có trong chương trình đào tạo có trách nhiệm tư vấn về việc xét miễn và công nhận điểm học phần nếu nhận được yêu cầu.

5. Các đơn vị được phép cấp chứng chỉ và chứng nhận của Trường có trách nhiệm kiểm tra thông tin về chứng chỉ có liên quan nếu nhận được yêu cầu.

6. Riêng các học phần đã có khung qui định cụ thể và chi tiết trong *khoản 4,5,6,7,8,9 Điều 3* qui định này, TTLKĐT sẽ chịu trách nhiệm kiểm tra và trình Hội đồng xét miễn học phần của Trường công nhận (*mẫu phụ lục 6*).

7. Đối với SV cần thực hiện như sau:

a) Vào đầu khóa học, căn cứ vào chương trình đào tạo (CTĐT) sẽ học, SV có thể làm đơn đề nghị Trường xem xét miễn và công nhận điểm học phần mà trong chương trình đào tạo (CTĐT) đã học trước đó (*nếu có*) đã tích lũy được có nội dung và khối lượng tương đương hoặc lớn hơn (*xem Mẫu đơn ở Phụ lục 2*). Trường hợp này, SV làm đơn có đính kèm theo bản sao văn bằng, chứng chỉ và bảng điểm của cơ sở đào tạo trước đây (*có thị thực*) gửi cho ĐVLK hoặc gửi trực tiếp cho TTLKĐT để tổ chức việc xét miễn và công nhận điểm học phần.

b) SV được Hiệu trưởng Trường ĐHCT cử đi học tập trong nước hoặc nước ngoài, sau khi hoàn thành học tập và có quyết định thu nhận SV của Trường ĐHCT, SV làm đơn gửi cho ĐVLK hoặc TTLKĐT đề nghị xem xét miễn và công nhận điểm học phần (*xem Mẫu đơn ở Phụ lục 3*) và gửi đính kèm theo đơn là bản sao các quyết định cử đi học, quyết định thu nhận của Trường, kết quả học tập và văn bản xác nhận (*các*) học phần được xét miễn và công nhận điểm nếu SV hoàn thành nhiệm vụ học tập của đơn vị quản lý đào tạo cấp cho SV trước khi SV được cử đi học tập để tổ chức việc xét miễn và công nhận điểm học phần.

c) SV trúng tuyển kỳ tuyển sinh Liên thông từ trình độ trung cấp, cao đẳng lên trình độ đại học hoặc kỳ tuyển sinh đào tạo trình độ đại học cho người đã có bằng tốt nghiệp trình độ đại học không cần làm đơn xét miễn và công nhận điểm học phần và nộp bản sao bảng điểm (*do bảng điểm đã được nộp trong hồ sơ đăng ký dự thi và được TTLKĐT chuyển đến đơn vị đào tạo để tổ chức việc xét miễn và công nhận điểm học phần theo kế hoạch tuyển sinh hàng năm*).

d) Trong thời gian học tập, SV có thể làm đơn đề nghị đơn vị đào tạo xem xét miễn và công nhận điểm học phần bổ sung nếu có các văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận theo qui định của văn bản này (*xem Mẫu đơn ở Phụ lục 2*).

### **Điều 3. Nguyên tắc và hướng dẫn xét miễn và công nhận điểm học phần**

1. Xem xét và công nhận giá trị chuyển đổi kết quả học tập và khối lượng kiến thức được miễn trừ cho các học phần trong CTĐT sẽ học mà trong CTĐT đã học trước, người học đã tích lũy được có nội dung và khối lượng tương đương hoặc lớn hơn.

2. Cách quy đổi điểm thang điểm 10, thang điểm chữ và thang điểm 4 được thực hiện theo bảng sau đây:

Điểm theo thang điểm 10	Điểm theo thang điểm chữ	Điểm theo thang điểm 4
9,0 – 10,0	A	4,0
8,0 – 8,9	B+	3,5
7,0 – 7,9	B	3,0
6,5 – 6,9	C+	2,5
5,5 – 6,4	C	2,0
5,0 – 5,4	D+	1,5
	D	1,0

Học phần được xem là tích lũy khi đạt từ điểm D trở lên theo thang điểm chữ (*trừ học phần Giáo dục quốc phòng và an ninh phải đạt từ điểm D+ trở lên*) hoặc đạt từ điểm 5,0 trở lên theo thang điểm 10.

3. Nếu có 1 học phần (*hoặc nhiều học phần*) được xét miễn từ 2 học phần trở lên đã học thì điểm của học phần được xét miễn là trung bình có trọng số của điểm các học phần đã học (*trọng số là số tín chỉ hoặc số đơn vị học trình của các học phần đã học*). Nếu có 2 học phần được xét miễn từ 1 học phần đã học thì điểm của các học phần được miễn là điểm của học phần đã học.

4. Xét miễn các học phần điều kiện tương ứng nếu SV có các chứng chỉ như sau:

- Chứng chỉ ngoại ngữ (*xem hướng dẫn ở khoản 5, Điều 3 này*);
- Chứng chỉ Tin học (*xem hướng dẫn ở khoản 6, Điều 3 này*);
- Chứng chỉ Giáo dục quốc phòng và an ninh (*xem hướng dẫn ở khoản 7, Điều 3 này*);
- Chứng chỉ Giáo dục thể chất (*xem hướng dẫn ở khoản 8, Điều 3 này*);

Điểm công nhận cho các học phần được miễn trong các trường hợp này là điểm “M”.

5. Đối với các học phần ngoại ngữ căn bản thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương, việc xét miễn học phần như sau:

a) Được miễn các học phần Anh văn căn bản nếu đạt một trong các điều kiện sau đây:

- SV thuộc Khóa 2019 trở về trước có một trong các Chứng chỉ tiếng Anh trình độ A, B, hoặc C. SV thuộc Khóa 2020 trở về sau có Chứng chỉ tiếng Anh trình độ C. Tất cả các chứng chỉ phải được cấp theo mẫu phối qui định của Bộ quản lý hoặc theo qui định của các Trường được Bộ phân cấp giao nhiệm vụ in ấn và quản lý và cấp phát.

- SV thuộc Khóa 2019 trở về trước có Chứng chỉ ngoại ngữ tiếng Anh bậc 2 trở lên; SV thuộc Khóa 2020 trở về sau có Chứng chỉ ngoại ngữ tiếng Anh bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc Chứng chỉ (*chứng nhận*) tiếng Anh tối thiểu được quy đổi tương đương như tại Phụ lục 1.

b) Được miễn các học phần Pháp văn căn bản nếu đạt một trong các điều kiện sau đây:

- SV thuộc Khóa 2019 trở về trước có một trong các Chứng chỉ tiếng Pháp trình độ A, B, hoặc C. SV thuộc Khóa 2020 trở về sau có Chứng chỉ tiếng Pháp trình độ C. Tất cả các chứng chỉ phải được cấp theo mẫu phối qui định của Bộ quản lý hoặc theo qui định của các Trường được Bộ phân cấp giao nhiệm vụ in ấn và quản lý và cấp phát.

cả các chứng chỉ phải được cấp theo mẫu phôi qui định của Bộ quản lý hoặc theo qui định của các Trường được Bộ phân cấp giao nhiệm vụ in ấn, quản lý và cấp phát.

- SV thuộc Khóa 2019 trở về trước có Chứng chỉ ngoại ngữ tiếng Pháp bậc 2 trở lên; SV thuộc Khóa 2020 trở về sau có chứng chỉ ngoại ngữ tiếng Pháp bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc Chứng chỉ (*chứng nhận*) tiếng Pháp tối thiểu được quy đổi tương đương như tại Phụ lục 1.

c) SV là người nước ngoài theo học CTĐT bằng tiếng Việt có nguyện vọng không học các học phần ngoại ngữ căn bản.

d) SV đã có bằng đại học, cao đẳng của CTĐT được giảng dạy bằng tiếng Anh hoặc tiếng Pháp được miễn học các học phần ngoại ngữ căn bản.

6. Đối với các học phần Tin học căn bản thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương, được xét miễn học phần nếu SV đạt yêu cầu sau:

a) SV có Chứng chỉ Tin học ứng dụng trình độ A, Chứng chỉ Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản, Chứng chỉ Ứng dụng công nghệ thông tin nâng cao. Chứng nhận hoàn thành khóa học Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản, Chứng nhận hoàn thành khóa học Ứng dụng công nghệ thông tin nâng cao hoặc Chứng nhận Tin học ứng dụng do Trường ĐHCT cấp.

b) SV đã có bằng tốt nghiệp kỹ thuật viên, trung cấp, cao đẳng, đại học các ngành thuộc nhóm ngành máy tính và công nghệ thông tin.

7. Đối với các học phần Giáo dục quốc phòng và an ninh (*GDQP&AN*).

a) Đối tượng được miễn các học phần GDQP&AN:

- SV có giấy chứng nhận sĩ quan dự bị hoặc bằng tốt nghiệp do các trường quân đội, công an cấp.

- SV đã có Chứng chỉ GDQP&AN tương ứng với trình độ đào tạo.

- SV là người nước ngoài.

b) Đối tượng được miễn học, miễn thi học phần, nội dung trong chương trình GDQP&AN tương ứng với trình độ đào tạo, gồm SV có giấy xác nhận kết quả học tập các học phần, nội dung đó đạt từ 5,0 điểm trở lên theo thang điểm 10. Đối với những học phần, nội dung có điểm dưới 5,0 điểm theo thang điểm 10, SV phải học những học phần, nội dung GDQP&AN tương ứng trong chương trình GDQP&AN hiện hành. Học phần, nội dung GDQP&AN tương ứng mà SV phải học do Trung tâm GDQP&AN Trường ĐHCT quyết định.

c) Đối tượng được miễn học các nội dung thực hành kỹ năng quân sự thuộc học phần GDQP&AN 3 và học phần GDQP&AN 4:

- SV là người khuyết tật, có giấy xác nhận khuyết tật theo quy định của pháp luật về người khuyết tật;

- SV không đủ sức khỏe về thể lực hoặc mắc những bệnh lý thuộc diện miễn làm nghĩa vụ quân sự theo quy định hiện hành;

- SV đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự, công an nhân dân.

8. Đối với các học phần Giáo dục thể chất (*GDTC*) thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương.

a) Đối tượng được miễn các học phần GDTC:

- SV có Chứng chỉ Giáo dục thể chất.
- SV đã có bằng tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng, đại học các ngành thuộc nhóm ngành thể dục thể thao.
- SV đã có bằng tốt nghiệp đại học (*đã tích lũy các học phần GDTC*).

b) SV là người khuyết tật hoặc không đủ sức khỏe học một số nội dung trong chương trình môn học GDTC được bố trí học các học phần Cờ Vua để thay thế.

9. Đối với các học phần Lý luận chính trị thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương, việc xét miễn và công nhận điểm học phần thực hiện như sau:

a) Đối tượng được xét miễn học phần:

- SV có bằng tốt nghiệp đại học do các trường đại học của Việt Nam hoặc các trường liên kết mở tại Việt Nam cấp và đã tích lũy các học phần Lý luận chính trị có nội dung và số tín chỉ (*đơn vị học trình*) tương đương, nhưng tiếp tục học để lấy bằng đại học khác.

- SV có bằng cao cấp lý luận chính trị, cử nhân chính trị, trung cấp lý luận chính trị. Điểm xét miễn cho trường hợp này là điểm “M”.

b) Đối tượng phải học bổ sung kiến thức:

SV thuộc Khóa 2019 trở về trước học tập các học phần Lý luận chính trị theo khung chương trình của Quyết định số 52/2008/QĐ-BGDĐT ngày 18 tháng 9 năm 2008 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành chương trình các môn lý luận chính trị trình độ đại học, cao đẳng dùng cho sinh viên khối không chuyên ngành Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh gồm có học phần Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin 1 (ML009), Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin 2 (ML010), Đường lối Cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam (ML011) và Tư tưởng Hồ Chí Minh (ML006). SV phải học bổ sung kiến thức trong những trường hợp sau:

- Nếu SV chưa tích lũy học phần “Chủ nghĩa xã hội khoa học” thì phải học “Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin 2” (ML010).

- Nếu SV chưa tích lũy học phần “Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam” thì phải học “Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam” (ML011).

SV thuộc Khóa 2020 trở về sau học tập các học phần Lý luận chính trị theo Công văn số 3056/BGDĐT-GDĐH ngày 19 tháng 7 năm 2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn thực hiện chương trình, giáo trình các môn Lý luận chính trị gồm có các học phần Triết học Mác-Lênin, Kinh tế chính trị Mác-Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Tư tưởng Hồ Chí Minh. Trường hợp SV đã tích lũy một số học phần Lý luận chính trị ở CTĐT trình độ đại học tại một cơ sở đào tạo khác được chuyển đổi tương đương như sau:

- Đối với SV thuộc các ngành đào tạo không chuyên về Lý luận chính trị

Mã số HP	Tên học phần	Số TC	Mã số HP	Tên học phần	Số TC
ML009	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin 1	2	ML014	Triết học Mác-Lênin	3

ML010	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin 2	3	ML016	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2
			ML018	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2
ML011	Đường lối Cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	ML019	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2
ML006	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	ML021	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2

- Đối với SV thuộc các ngành đào tạo chuyên về Lý luận chính trị

Mã số HP	Tên học phần	Số TC	Mã số HP	Tên học phần	Số TC
ML009	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin 1	2	ML015	Triết học Mác-Lênin	4
ML010	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin 2	3	ML017	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	3
			ML018	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2
ML011	Đường lối Cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	ML020	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	3
ML006	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	ML021	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2

10. Đối với các học phần được xét miễn chung cho người học đã tốt nghiệp trình độ trung cấp, cao đẳng, đại học trong chương trình, giá trị điểm được ghi nhận là điểm 'M'.

11. Kết quả điểm xét miễn được ghi nhận trong bảng kết quả học tập toàn khóa của SV. Trừ các học phần điều kiện và học phần có điểm M, kết quả điểm xét miễn học phần được sử dụng để tính điểm trung bình chung tích lũy.

#### **Điều 4. Tổ chức thực hiện**

1. Trường các đơn vị có trách nhiệm triển khai và tổ chức thực hiện Quy định này; ghi nhận, kiểm tra và xử lý những trường hợp vi phạm Quy định. Hướng dẫn, giải đáp thắc mắc của SV và viên chức các vấn đề có liên quan; giải trình khi có yêu cầu của Ban Giám hiệu.

2. Các đơn vị có liên quan báo cáo Ban Giám hiệu những vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện./.



**Hà Thanh Toàn**



**Phụ lục 1. Quy đổi tương đương chứng chỉ (chứng nhận) ngoại ngữ theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (hoặc chứng chỉ theo Khung tham chiếu Châu Âu)**

**1. Tiếng Anh**

- Chứng chỉ IELTS (*International English Language Testing System*) do Hội đồng Anh (*British Council*) và Tổ chức Giáo dục quốc tế IDP (*IDP Education Viet Nam*) cấp.
- Chứng chỉ TOEIC (*Test of English for International Communication*), TOEFL (*Test of English as a Foreign Language*) do Educational Testing Service (*ETS*) và IIG Việt Nam cấp.
- Chứng chỉ Cambridge Esol do Tổ chức Cambridge English cấp.
- Chứng chỉ ngoại ngữ tiếng Anh A, B, C.
- Chứng nhận ngoại ngữ theo Khung năng lực Ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt.

**BẢNG QUY ĐỔI CHUẨN TRÌNH ĐỘ NGOẠI NGỮ TIẾNG ANH**

Khung NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam	Khung tham chiếu Châu Âu (CEFR)	Chứng chỉ A, B, C	IELTS	TOEIC	TOEFL ITP	TOEFL CBT	TOEFL IBT	Cambridge Tests
Bậc 1	A1	A	< 3.0	< 400	< 337	60	<31	100-120 KET
Bậc 2	A2	B	3.0	400	337	96	31	120-140 KET 120-140 PET
Bậc 3	B1	C	4.5	450	450	133	45	140-150 KET 140-160 PET 140-160 FCE
Bậc 4	B2		5.5	600	500	173	61	160-170 PET 160-180 FCE 160-180 CAE
Bậc 5	C1		6.5	850	550	213	90	180-190 FCE 180-200 CAE 180-200 CPE
Bậc 6	C2		7.5	945	630	250	111	200-210 CAE 200-230 CPE
			Top Score 9	Top Score 990	Top Score 677	Top Score 300	Top Score 120	

**2. Tiếng Pháp**

- Bằng DELF (*Diplôme d'Etudes en Langue Française*), DALF (*Diplôme Aprofondi de Langue Française*) của Trung tâm Nghiên cứu Sư phạm Quốc Tế Sèvres - Pháp (*Centre International d'Etudes Pédagogiques de Sèvres*).
- Chứng chỉ TCF (*Test de Connaissance du Français*) của Trung tâm Nghiên cứu Sư phạm Quốc Tế Sèvres - Pháp (*Centre International d'Etudes Pédagogiques de Sèvres*) cấp.

- Chứng chỉ TEF (*Test d'Evaluation de Français*) của CCIP (*Chambre d'Industrie et de Commerce de Paris*) cấp.
- Chứng chỉ ngoại ngữ tiếng Pháp A, B.
- Chứng nhận ngoại ngữ theo Khung năng lực Ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

**BẢNG QUY ĐỔI CHUẨN TRÌNH ĐỘ NGOẠI NGỮ TIẾNG PHÁP**

Khung NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam	Khung tham chiếu Châu Âu (CEFR)	Chứng chỉ A, B, C	DELF	TCF	TEF
Bậc 1	A1	A	<b>DELF A1</b> trình độ giao tiếp ban đầu sơ cấp khám phá ( <i>découverte</i> )	<b>TCF1</b> (100-199)	<b>TEF1</b> (69-203)
Bậc 2	A2	B	<b>DELF A2</b> trình độ giao tiếp sơ trung cấp ( <i>survie</i> )	<b>TCF2</b> (200-299)	<b>TEF2</b> (204-360)
Bậc 3	B1	C	<b>DELF B1</b> trình độ giao tiếp ngưỡng ( <i>seuil</i> )	<b>TCF3</b> (300-399)	<b>TEF3</b> (361-540)
Bậc 4	B2		<b>DELF B2</b> trình độ giao tiếp độc lập ( <i>indépendant</i> )	<b>TCF4</b> (400-499)	<b>TEF4</b> (541-698)
Bậc 5	C1		<b>DALF C1</b> trình độ giao tiếp tự chủ ( <i>autonome</i> )	<b>TCF5</b> (500-599)	<b>TEF5</b> (699-833)
Bậc 6	C2		<b>DALF C2</b> giao tiếp ở trình độ cao ( <i>maîtrise</i> )	<b>TCF6</b> (600-699)	<b>TEF5</b> (834-900)

**Phụ lục 2: Mẫu Đơn của sinh viên đề nghị xét miễn học phần**  
**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ XÉT MIỄN HỌC PHẦN**  
**VÀ CÔNG NHẬN ĐIỂM HỌC PHẦN**

Tôi tên: ..... Mã số SV:.....

Ngày tháng năm sinh:..... Số điện thoại:.....

Là sinh viên ngành ..... Khóa .....

Hệ Vừa làm vừa học/đào tạo Từ xa, do Trường Đại học Cần Thơ đào tạo tại đơn vị: .....

..... Na  
 y, tôi kính đề nghị xét miễn học và công nhận điểm các học phần do tôi đã được đào tạo tại  
 (Trường, Cơ sở cấp chứng chỉ) ..... như  
 sau:

*(Kèm theo bản photo có công chứng văn bằng, bảng điểm đã tích lũy được)*

TT	Mã học phần	Tên học phần đề nghị miễn	Số tín chỉ	Tên học phần đã học	Số tín chỉ	Điểm đã đạt
1						
2						
3						

....., ngày ... tháng ... năm 201...

**Người viết đơn**

*(Ký và ghi rõ họ tên)*

**Ghi chú:**

- Sinh viên nộp đơn có đính kèm theo bản photo Chứng chỉ, bảng điểm có công chứng.

**Phụ lục 3: Mẫu Đơn của sinh viên đề nghị xét miễn và công nhận điểm học phần  
do có kết quả học tập tích lũy được sau khi học tập ở nước ngoài  
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ XÉT MIỄN HỌC PHẦN  
VÀ CÔNG NHẬN ĐIỂM HỌC PHẦN  
do đã được Hiệu trưởng Trường ĐHCT cử đi học tập**

Kính gửi: Hội đồng xét miễn và công nhận điểm học phần, Trường Đại học Cần Thơ

Tôi tên là: ..... Mã số SV: .....

Lớp: ..... Khóa: .....

Tôi đã hoàn thành nhiệm vụ theo Quyết định số ..... /QĐ-ĐHCT ngày... tháng ... năm ... về việc cho phép sinh viên đi học tập của Hiệu trưởng Trường Đại học Cần Thơ.

Nay căn cứ kết quả học tập đạt được, tôi làm đơn này kính đề nghị được xét miễn và công nhận điểm (các) học phần thuộc chương trình đào tạo tôi đang theo học tại Trường ĐHCT.

*Đính kèm theo đơn này là Quyết định cử đi học và Quyết định thu nhận của Trường; văn bản xác nhận (các) học phần được xét miễn và công nhận điểm nếu SV hoàn thành nhiệm vụ học tập của đơn vị quản lý đào tạo cấp cho SV trước khi SV được cử đi học tập; và văn bản kết quả học tập sinh viên do cơ sở nơi sinh viên được cử đến học tập cấp.*

Trân trọng kính chào./.

Cần Thơ, ngày tháng năm 20...

**SINH VIÊN**

(Ký tên và ghi rõ họ tên)

**Ghi chú:**

- Đơn có đính kèm theo bản sao các Quyết định cử đi học và Quyết định thu nhận của Trường; văn bản xác nhận (các) học phần được xét miễn và công nhận điểm nếu SV hoàn thành nhiệm vụ học tập của đơn vị quản lý đào tạo cấp cho SV trước khi SV được cử đi học tập; và các văn bản kết quả học tập sinh viên do cơ sở nơi sinh viên được cử đến học tập cấp. Văn bản kết quả học tập do đơn vị nơi sinh viên đến học tập cấp có thể là: chứng chỉ, chứng nhận, bảng điểm, giấy xác nhận kết quả học tập,... được sử dụng để làm căn cứ xét miễn và công nhận điểm học phần.

- Sinh viên cần lưu ý: việc có được xét miễn và công nhận điểm học phần thuộc CTĐT mà sinh viên đang theo học theo đơn đề nghị của sinh viên hay không còn tùy thuộc vào kết quả học tập, trên cơ sở nguyên tắc và hướng dẫn xét miễn và công nhận điểm học phần của Trường ĐHCT.



**Phụ lục 5: Mẫu Danh sách sinh viên và kết quả xét miễn & công nhận điểm học phần**

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ      CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**KHOA (VIỆN/BM)                                  Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**DANH SÁCH SINH VIÊN VÀ HỌC PHẦN ĐƯỢC XÉT MIỄN  
 VÀ CÔNG NHẬN ĐIỂM**

**Hình thức Vừa làm vừa học/ Từ xa**

*(đính kèm Biên bản số... .. /BB-... .. ngày ... tháng ... năm 20...)*

TT	Mã số sinh viên	Họ và tên sinh viên	Mã số học phần	Tên học phần	Điểm	Đơn vị cấp bằng/CC

**TỔ TRƯỞNG  
 TỔ XÉT MIỄN VÀ CNDHP**  
*(ký tên và ghi rõ họ tên)*

**THƯ KÝ**  
*(ký tên và ghi rõ họ tên)*

**HỘI ĐỒNG XÉT MIỄN VÀ  
 CÔNG NHẬN ĐIỂM HỌC  
 PHẦN**

**TRƯỞNG KHOA**

**Ghi chú:**

- Danh sách sinh viên và kết quả xét miễn & công nhận điểm học phần bằng văn bản và bằng e-file (*excel*) được đính kèm theo Biên bản xét miễn & công nhận điểm học phần cùng bản sao (*các*) văn bản đã được sử dụng để xét miễn học phần gửi đến **Hội đồng Xét miễn và công nhận điểm học phần Trường** thông qua TTLKĐT.

- Cách ghi thông tin trong bảng trên như sau:

- + Cột “TT”: ghi số thứ tự sinh viên trong danh sách
- + Cột “Mã số sinh viên”: ghi Mã số của SV (*chỉ ghi 1 lần tương ứng với số thứ tự*)
- + Cột “Họ và tên sinh viên”: ghi họ và tên SV (*chỉ ghi 1 lần tương ứng với số thứ tự*)
- + Cột “Mã số học phần”: ghi mã số học phần thuộc CTĐT mà SV được xét miễn
- + Cột “Tên học phần”: ghi tên học phần tương ứng với mã số học phần
- + Cột “Điểm”: ghi điểm theo thang điểm 10 được làm tròn đến 1 chữ số thập phân hoặc điểm theo thang điểm chữ nếu không có điểm theo thang điểm 10. Nếu là điểm miễn thì ghi là “M”.
- + Cột “Ghi chú”: ghi ngắn gọn các lưu ý, ví dụ: “đính kèm chứng chỉ”, “đính kèm bằng điểm”, “Nơi đã đào tạo”...

**Phụ lục 6: Mẫu Danh sách sinh viên và kết quả xét miễn & công nhận điểm học phần do TTLKĐT thực hiện**

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ    CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TRUNG TÂM LIÊN KẾT ĐÀO TẠO    Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**DANH SÁCH SINH VIÊN VÀ HỌC PHẦN ĐƯỢC XÉT MIỄN  
 VÀ CÔNG NHẬN ĐIỂM**

**Hình thức Vừa làm vừa học/ Từ xa**

<b>TT</b>	<b>Mã số sinh viên</b>	<b>Họ và tên sinh viên</b>	<b>Mã số học phần</b>	<b>Tên học phần</b>	<b>Điểm</b>	<b>Đơn vị cấp bằng/CC</b>

**HỘI ĐỒNG XÉT MIỄN VÀ  
 CÔNG NHẬN ĐIỂM  
 HỌC PHẦN**

**TRUNG TÂM LIÊN KẾT  
 ĐÀO TẠO**